

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2022/DS - ST
Ngày: 30/12/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng và ông Lê Văn Lil.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TLST – DS, ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) B;

Địa chỉ: Tòa nhà Rhaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung N, chức vụ: Chuyên viên (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2022)

Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962;

Bà Hồ Thị L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ T trú: ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

Chỗ ở hiện tại: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

(Đại diện Ngân hàng, ông T, bà L có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện Ngân hàng B trình bày:

Vào ngày 26/11/2021 giữa ngân hàng B và ông Trịnh Văn T, bà Hồ Thị L đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD18A2021130, vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng. Trong quá trình thực hiện giao dịch do ông T và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp.

Tính đến ngày 30/12/2022 ông T và bà L còn nợ lại ngân hàng số tiền nợ gốc 191.665.000đ, lãi 19.283.371đ.

Để đảm bảo khoản nợ vay, thì ông T và bà L có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng. Theo hợp đồng thế chấp số HDTC18A202179, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB666329 số vào sổ CS02698 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/6/2021 do ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L đứng tên, tại thửa số 39, tờ bản đồ số 53, diện tích 2498,9m².

Nay ngân hàng yêu cầu ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 191.665.000đ, lãi 19.283.371đ (tính đến ngày 30/12/2022) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp ông T và bà L không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng hàng thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2022 ông Trịnh Văn T trình bày: Vào ngày 26/11/2021 ông có vay của ngân hàng Liên Việt số tiền 200.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng. Trong thời gian vay ông có trả cho ngân hàng nhưng không đầy đủ. Tính đến ngày 23/6/2022 ông xác định còn nợ lại ngân hàng số tiền vốn vay 191.665.000đ và lãi là 4.489.260đ, ông đồng ý giao trả số tiền này cho ngân hàng và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ. Trường hợp ông không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2022 bà Hồ Thị L cũng thống nhất với lời trình bày của ông T, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt đối với ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L.

Buộc ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền vốn 191.665.000đ, lãi 19.283.371đ (tính đến ngày 30/12/2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số HDTTC18A202179, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB666329 số vào sổ CS02698 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/6/2021 do ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L đứng tên, tại thửa số 39, tờ bản đồ số 53, diện tích 2498,9m².

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt đã nộp số tiền 450.000đ đã chi hết. Buộc ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 450.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP B không phải nộp án phí, đại diện ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 4.903.500 đồng theo biên lai thu số 0009566 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được hoàn lại đủ. Ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L phải nộp án phí số tiền 10.547.000 đồng. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả số tiền vay, ông T, bà L có địa chỉ cư trú tại ấp Long Hà, xã Điện Hải, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện ngân hàng, ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Ngân hàng yêu cầu ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả số tiền vốn nợ gốc 191.665.000đ, lãi 19.283.371đ (tính đến ngày 30/12/2022) và yêu cầu bà L, ông T tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi dứt nợ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2022 ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L xác định vào ngày 26/11/2021 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB666329 tại thửa số 39, tờ bản đồ số 53, diện tích 2498,9m² để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt số tiền 200.000.000đ, trong thời gian vay ông có trả cho ngân hàng nhưng không đầy đủ. Nay ngân hàng yêu cầu ông giao trả số tiền vốn vay 191.665.000đ, lãi 4.489.260đ (tính đến ngày 23/6/2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ thì ông cũng đồng ý giao trả theo yêu cầu của ngân hàng. Trường hợp ông không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng hàng thì ông đồng ý để ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt đã nộp số tiền 450.000đ đã chi hết. Nên cần buộc ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP B không phải nộp án phí, đại diện ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 4.903.500 đồng theo biên lai thu số 0009566 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được hoàn lại đủ. Ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L phải nộp án phí số tiền 10.547.000 đồng. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L.

Buộc ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền vốn 191.665.000đ, lãi 19.283.371đ (tính đến ngày 30/12/2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng hàng thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp số HDTC18A202179, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB666329 số vào sổ CS02698 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/6/2021 do ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L đứng tên, tại thửa số 39, tờ bản đồ số 53, diện tích 2498,9m².

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt đã nộp số tiền 450.000đ đã chi hết. Buộc ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L giao trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền 450.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt không phải nộp án phí, đại diện ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 4.903.500 đồng theo biên lai thu số 0009566 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được hoàn lại đủ. Ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị L phải nộp án phí số tiền 10.547.000 đồng. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N

